TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 182/2025/DS-PT
Ngày 22/4/2025
V/v yêu cầu chia di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Ông Ong Thân Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 597/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3343/2025/QĐPT-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự.

**** Nguyên đơn:*** **Ông Nguyễn Mạnh S**, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trịnh Thị H - Công ty luật TNHH Hiệp Thành, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Bị đơn:*** **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1950; địa chỉ: thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Tân Đắc, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: số 117 Dương Đình Nghệ, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Lê Văn N, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Ông Nguyễn Mạnh Ch, sinh năm 1963; địa chỉ: số 22/7 Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn 3, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. UBND xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lữ Trọng Ch1 - Phó chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: đường Phạm Tiến Năng, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh S trình bày:***

Bố tôi là ông Nguyễn Văn X (chết năm 1989) mẹ tôi là bà Nguyễn Thị X1 (chết năm 2010) sinh được 04 người con gồm: bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Mạnh S, ông Nguyễn Mạnh Ch và bà Nguyễn Thị T1. Ngoài ra, bố mẹ tôi không còn con chung, con riêng và con nuôi nào khác.

Trước khi chết, bố mẹ tôi tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 233, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 1992 (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 2014), địa chỉ: thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Bố mẹ tôi chết đều không để lại di chúc, sau khi bố mẹ chết, bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất có thông tin nêu trên. Đến nay tôi phát hiện năm 1982 bà T đã tự ý kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 1992 của bố mẹ để lại và đã được cấp GCNQSDĐ, đến năm 2017 bà T tặng cho con trai là anh Lê Văn N toàn bộ thửa đất mà không được sự đồng ý của tôi và những người thừa kế khác là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi và những người đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Vì vậy, tôi đề nghị Toà án giải quyết các nội dung sau:

- Huỷ Quyết định cấp GCNQSDĐ và GCNQSDĐ số CI 573272 vào sổ cấp GCN số CH-01076 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 27/6/2017 mang tên Lê Văn N đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 1992 (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Quảng

Ninh 2014), địa chỉ: thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá;

- Phân chia di sản thừa kế của bố mẹ tôi để lại là thửa đất số 233, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 2014), địa chỉ: thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá; khối di sản tạm tính 400.000đ/m^2 đất ở, 17.000đ/m^2 đất trồng cây hàng năm, tạm tính giá trị 91.611.000 đồng.

**** Bị đơn là bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo uỷ quyền của bà T trình bày***:

Bà T thống nhất với lời khai của ông S về thời điểm bố mẹ chết và các anh chị em ruột trong gia đình.

Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp: Thời điểm trước năm 1975 trong thời kỳ chiến tranh nên đất rộng và dân cư thưa thớt, để tránh bom đạn chiến tranh gia đình bà và những gia đình khác luôn tìm chỗ đất hoang sơ tán để tránh bom đạn. Bà đã sinh sống trên thửa đất từ trước những năm 1980, ổn định và không có tranh chấp nên năm 1994 bà được cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật. Đến năm 2017, bà tặng cho anh Lê Văn N là con trai bà toàn bộ thửa đất, anh N đã được UBND huyện Quảng Xương cấp GCNQSDĐ ngày 27/6/2027.

Đến nay ông Nguyễn Mạnh S cho rằng thửa đất là của bố mẹ và yêu cầu chia di sản thừa kế là không đúng vì ông S không có bất kỳ giấy tờ gì chứng minh đất là của bố mẹ (ông X, bà X1) để lại. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì ông X chết năm 1989 đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự, nhưng nguyên đơn vẫn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Bà X1 không ở trên thửa đất với bà T mà ở với ông S trên một thửa đất khác (cùng thôn), bà X1 chỉ thỉnh thoảng đến chơi và ở lại ít hôm với bà T rồi về nhà ông S. Bà X1 ở với ông S đến lúc chết, ông S thờ cúng bố mẹ tại nhà ông S.

Ông S có đơn đề nghị UBND xã Quảng Ninh xác nhận nguồn gốc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 1992 (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 2014 đứng tên bà Nguyễn Thị T) do ông X, bà X1 để lại. Ngày 30/6/2022, UBND xã Quảng Ninh ban hành Công văn số 15/UBND về việc xác định nguồn gốc đất của bà T do ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị X1 để lại, việc ban hành công văn của UBND xã Quảng Ninh là trái pháp luật vì các lý do:

- Bà T sử dụng đất từ trước năm 1980, ổn định, lâu dài, không có tranh chấp, đã được cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật.

- Bố mẹ bà T khi còn sống không ở trên thửa đất tranh chấp, trước khi chết bố mẹ đã để lại thửa đất khác cho ông S, ông S đã bán đi và mua mảnh đất hiện nay đang ở. Ông X, bà X1 ở với ông S đến lúc chết và đang được thờ cúng tại

nhà ông S.

- Công văn số 15 của UBND xã Quảng Ninh về việc lấy ý kiến khu dân cư là trái pháp luật. Việc lấy ý kiến khu dân cư chỉ khi không có giấy tờ về nguồn gốc đất. Tuy nhiên Bản đồ 299 và sổ mục kê (nguồn gốc đất) đều thể hiện tên bà Nguyễn Thị T, vì vậy theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

- Về trình tự, thủ tục lấy ý kiến khu dân cư phải lập phiếu lấy ý kiến theo mẫu số 05/ĐK kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT, nội dung cuộc họp phải có xác nhận về nguồn gốc sử dụng thửa đất, thời điểm bắt đầu sử dụng, tình trạng tranh chấp đất đai... Tuy nhiên, UBND xã Quảng Ninh không có văn bản về việc lập phiếu lấy ý kiến khu dân cư, không nêu rõ lý do, mục đích sử dụng... mà vội vàng kết luận là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Bà T không hề nhận được văn bản nào về việc lấy ý kiến của khu dân cư cũng như Công văn số 15 của UBND xã Quảng Ninh.

- Công văn số 15 của xã Quảng Ninh đánh giá phiến diện, không dựa trên chứng cứ pháp lý là giấy tờ nhà đất mà lấy ý kiến dựa trên ý chí chủ quan của những người tham gia, không có căn cứ pháp luật, không có chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất là của ông X, bà X1.

Đề nghị Toà án không chấp nhận các nội dung khởi kiện của ông S; Huỷ Công văn số 15/UBND ngày 27/6/2022 của UBND xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

**** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND huyện Quảng Xương: Tại Văn bản số 1145/UBND-TNMT ngày 13/4/2023 UBND huyện Quảng Xương đã bàn giao toàn bộ hệ thống tài liệu cấp GCNQSDĐ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Xương. Đề nghị Toà án liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Xương để được cung cấp thông tin hồ sơ và căn cứ vào hồ sơ, tài liệu thu thập được để giải quyết theo quy định.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Xương đã cung cấp Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn N; hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất của ông Lê Văn N chuyển đất trồng cây lâu năm thành đất ở cho Toà án.

2. UBND xã Quảng Ninh: Tại Văn bản số 22/UBND ngày 10/4/2023: Căn cứ Điều 100 Luật đất đai 2013 thì bà Nguyễn Thị T có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 1992 (bà T có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai). Bà T được UBND huyện Quảng Xương cấp GCNQSDĐ số D 0880652 ngày 10/8/1993, số vào sổ cấp giấy 00056/102 tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 1992, diện tích 900m^2, trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 700m^2, đến năm 2017 bà Nguyễn Thị T tặng cho toàn bộ thửa đất số 233, tờ

bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 1992 (nay là thửa số 43, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 2014) cho anh Lê Văn N theo GCNQSDĐ số CI 573272 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 27/6/2017.

Ngoài ra, UBND xã Quảng Ninh cung cấp cho Toà án bản đồ, sổ mục kê đối với thửa đất tranh chấp qua các thời kỳ đo đạc của địa phương.

3. Bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Thứ nhất: Tôi khẳng định chị gái tôi Nguyễn Thị Toàn đã ở trên thửa đất có địa chỉ tại thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa từ trước những năm 1980 ổn định lâu dài, không có tranh chấp đất với anh, em trong gia đình và cũng như các hộ gia đình sống liền kề, xung quanh. Năm 1993, bà T được UBND huyện Quảng Xương cấp GCNQSDĐ đứng tên Nguyễn Thị T. Năm 2017, bà T tặng cho lại toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho con trai là cháu Lê Văn N, cháu N cũng đã được UBND huyện Quảng Xương cấp GCNQSDĐ số CI 573272 ngày 27/06/2017. Quá trình cấp GCNQSDĐ cho bà T và cháu N được niêm yết công khai tại UBND xã Quảng Ninh và Nhà văn hóa thôn Ước Thành, lấy ý kiến giáp ranh các hộ liền kề.

Việc cấp GCNQSDĐ cho cháu N năm 2017, sau đó cháu N chuyển đổi sang toàn bộ đất ở, tôi và các anh em trong gia đình đều biết. Chính quyền xã gồm Chủ tịch UBND xã Quảng Ninh, địa chính xã Quảng Ninh, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quảng Xương, UBND huyện Quảng Xương cũng xuống đám đất của chị gái tôi để trích đo, đo đạc lại diện tích đất sử dụng rất nhiều lần (kể từ trước năm 2017 cho đến nay). Toàn bộ quá trình đo đạc, chuyển đổi toàn bộ thửa đất công khai và người dân trong xã ai cũng biết và cả tôi và anh em trong gia đình đều biết.

Quá trình làm hồ sơ, UBND xã Quảng Ninh đã tiến hành họp dân cư và lấy ý kiến của 14 hộ dân trong thôn Ước Thành về nguồn gốc sử dụng đất của bà T trước thời điểm 1980. Cuộc họp lấy ý kiến của các hộ dân công khai, minh bạch và có xác nhận của 14 hộ dân và chính quyền thôn, xã đều đồng ý nguồn gốc đất của bà T có thời điểm sử dụng trước năm 1980 nên được công nhận toàn bộ đất ở.

Tôi khẳng định việc cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị T, cháu Lê Văn N là minh bạch, công khai, đúng theo quy định pháp luật, cả làng xóm, láng giềng ai đều biết và chính tôi ở xã khác cũng biết, vì thế việc ông Nguyễn Mạnh S nói không biết mặc dù ông S ở gần nhà bà T là không đúng thực tế.

Thứ hai: Bà T vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Quảng Ninh từ trước năm 2012. Sau đó, bà T tặng cho lại nhà đất cho cháu N, thì vợ chồng cháu N lại là người đứng ra vay vốn của Quỹ tín dụng để làm ăn và có thế chấp quyền sử dụng đất. Mỗi lần bà T hay vợ chồng cháu N vay tiền của Quỹ, Quỹ Tín dụng đều cử nhân viên đến thửa đất thế chấp, xác định tình trạng của thửa đất và người sử dụng hợp pháp sống trên đất. Quá trình các cán bộ tín dụng Quỹ tín

dụng nhân dân xã Quảng Ninh, cán bộ Ngân hàng đến làm việc đều công khai, người dân sống xung quanh nhà bà T ai cũng đều biết. Bà T và vợ chồng cháu N có rất nhiều lần vay vốn ngân hàng từ năm 2012 đến năm 2022, đã dùng GCNQSDĐ được cấp cho bà T, sau đó là cháu N để thế chấp cho Quỹ tín dụng.

Thứ ba: Năm 2005, vợ chồng cháu N phá dỡ căn nhà ngói, xây dựng căn nhà mái bằng với diện tích 120m^2. Quá trình xây nhà từ năm 2005 đến nay không có bất kỳ tranh chấp khiếu nại gì của cơ quan, tổ chức, hay cá nhân nào. Hơn nữa, hai lần gia đình bà T xây nhà, ông Nguyễn Mạnh S và tôi đều đến xây giúp nhà cho bà T. Mỗi lần xây dựng nhà xong, gia đình chúng tôi gồm ông S, ông Ch, bà T, tôi và các anh, em trong thợ, hàng xóm xung quanh đều đến liên hoan, chia vui với gia đình bà T.

Thứ tư: Bố mẹ tôi ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị X1 trước khi chết đã ở với ông S và chết trên đất của ông S. Toàn bộ tài sản, tiền của hai cụ đều để lại cho ông S và có sự giúp đỡ của anh, em trong nhà để ông S mua, bán hết đám đất này đến đám đất khác. Đến nay, giá đất tăng lên ông S có yêu cầu khởi kiện đối với bà T để chia đất của bà T, vì cho rằng có nguồn gốc đất của bố mẹ tôi, tôi không đồng ý. Tôi cho rằng trước khi chết bố mẹ đã lo chỗ ở ổn định cho anh em chúng tôi, người thì ông, bà cho đất, người thì cho tiền. Anh em nên tôn trọng ý nguyện của bố mẹ trước khi chết, không nên vì lợi ích không chính đáng mà tranh chấp đất đai của nhau.

Bằng văn bản này, tôi có ý kiến như sau: Tôi không liên quan đến việc chia đất của các anh, em trong gia đình. Tôi cũng không có nguyện vọng được nhận di sản thừa kế (nếu được chia theo pháp luật) theo đơn khởi kiện của ông S. Đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh S.

4. Ông Nguyễn Mạnh Ch trình bày:

Tôi là con trai của ông Nguyễn Văn X (chết năm 1980), và bà Nguyễn Thị X1 (chết năm 2010). Tôi được bố mẹ cho ăn học, sau đó lớn lên đi bộ đội, thoát ly khỏi địa phương và vào N làm ăn sinh sống lập nghiệp từ năm 1984 đến nay. Khi bố, mẹ tôi còn sống, hàng năm tôi cũng thu xếp về quê thăm bố, mẹ. Đến khi bổ mẹ mất những dịp giỗ tết tôi vẫn thường xuyên về quê lo giỗ tết, hương khói cho hai cụ tại nhà của anh trai tôi là Nguyễn Mạnh S.

Từ trước đến nay, anh chị em trong gia đình chúng tôi chung sống rất hòa thuận, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ, lẫn nhau, không có bất kỳ tranh chấp gì về đất đai của bố mẹ để lại.

Đến nay, ông Nguyễn Mạnh S yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ tôi để lại tại thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa hiện nay bà Nguyễn Thị T và cháu Lê Văn N đang ở trên đất. Tôi có ý kiến như sau: Tôi không liên quan đến việc chia đất đai của ông S và bà T. Tôi cũng không có nguyện vọng được nhận di sản thừa kế của bố mẹ là ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị X1 để lại. Tôi từ chối nhận di sản thừa kế của ông X, bà X1 để lại,

phần di sản thừa kế của tôi được hưởng, tôi để lại cho cả hai anh chị tôi là ông Nguyễn Mạnh S và bà Nguyễn Thị T.

Do đường xá xa xôi, tuổi cao, sức yếu tôi không thể đến Tòa vào tất cả các buổi làm việc, hòa giải, hay xét xử tại Tòa án các cấp được.

**** Người làm chứng trình bày:***

1. Ông Nguyễn Văn B trình bày: Tôi có quan hệ họ hàng với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Mạnh S, nhà tôi cách nhà bà T khoảng 30m.

Về nguồn gốc đất hiện nay bà T đang quản lý, sử dụng là của cụ X và cụ X1, năm 1989 cụ X chết, ông S mua một mảnh đất ngoài đường Quốc lộ và đưa cụ X1 đến để ở. Ông S và cụ X1 ở được một thời gian thì bán và mua khu đất hiện nay ông S đang ở, cách nhà bà T khoảng 500m. Sau khi bà T đi công nhân về và lập gia đình ở trên đất của cụ X và cụ X1. Việc mẹ con, anh em chuyển, tặng cho nhau mảnh đất này như thế nào tôi không biết, tôi chỉ biết từ khi ông S và cụ X1 đi ở nơi khác thì bà T vẫn ở trên đất và xây dựng nhà ở ổn định không thấy tranh chấp gì về đất đai.

Khoảng năm 2015 hoặc 2017 gì đó có làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà T, xã có tổ chức hội nghị để xác định nguồn gốc đất, tôi cùng với 14 người dân khác tham gia và ký vào biên bản về việc bà T sử dụng đất không có tranh chấp. Khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà T UBND xã Quảng Ninh có niêm yết danh sách các hộ được cấp GCNQSDĐ trong 15 ngày nhưng không có tranh chấp gì.

Ông S và bà T ở cùng thôn, cùng đội, việc họp và nhận các thông báo của thôn, xã đều biết cùng thời điểm.

2. Ông Nguyễn Văn D: Nhà tôi cách nhà bà T khoảng 200m. Nguồn gốc đất hiện nay bà T đang quản lý, sử dụng là của cụ X và cụ X1, sau khi cụ X chết thì ông S có điều kiện hơn nên mua một mảnh đất khác và đưa cụ X1 đến để ở, khi ra đất mới ông S và cụ X1 đã mang toàn bộ bàn thờ, bát hương của gia đình ra nơi ở mới để thờ cúng còn vợ chồng con cái bà T vẫn ở lại trên đất của cụ X và cụ X1 cho đến nay.

Cháu ruột tôi là Nguyễn Thị L là vợ cháu Lê Văn N (con bà T), tôi thường xuyên đến chơi nhà bà T không thấy trong gia đình nói có việc tranh chấp về đất đai, quan hệ giữa gia đình ông S và bà T vẫn vui vẻ, hòa thuận với nhau, khi anh N là con bà T làm nhà, tôi, ông S1, ông S cùng trong đội thợ xây nhà cho anh N, tôi không thấy việc ông S với bà T và anh N có tranh chấp gì về đất đai, mãi gần đây mới xảy ra tranh chấp.

Việc bà T và anh N sử dụng đất do được tặng cho, thừa kế hay mua bán tôi không biết. Sau khi vợ chồng N cưới nhau về ở và xây nhà kiên cố không thấy có tranh chấp gì. Gia đình bà T làm thủ tục cấp GCNQSD đất, xã có tổ chức hội nghị để xác định nguồn gốc đất tôi chỉ nghe nói lại nhưng không tham gia.

3. Ông Nguyễn Văn H2: Tôi không có quan hệ họ hàng với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Mạnh S, tôi là hàng xóm, nhà tôi cách nhà bà T khoảng 300m.

Về nguồn gốc đất hiện nay bà T đang quản lý, sử dụng là của cụ X và cụ X1, từ nhỏ đến lớn tôi thấy ông S và bà T ở cùng bố mẹ trên đất, sau khi cụ X chết thì ông S đưa cụ X1 đi ở khác, nhưng cùng thôn, cách khoảng 600m, còn vợ chồng con cái bà T vẫn ở lại trên đất của cụ X và cụ X1 cho đến nay. Trong gia đình có sự bàn bạc gì về đất đai như thế nào tôi không biết.

Năm 2005 anh N con bà T làm nhà tôi đến đánh hồ, khuân gạch hết buổi làm thì ăn cơm xong về không lấy công, ông S là thợ xây còn việc ông S có lấy công thợ của anh N hay không tôi không biết, quá trình làm nhà bà T, ông S và anh N vui vẻ, hòa thuận không thấy có tranh chấp về đất đai, sau này tôi vẫn thấy quan hệ cậu cháu rất tốt, mới cách đây vài năm có tranh chấp về đất đai nhưng tôi không biết nguyên nhân.

4. Ông Đàm Văn S1: Tôi không có quan hệ họ hàng với bà Nguyễn Thị T, chỉ là hàng xóm, nhà tôi cách nhà bà T khoảng 300m.

Về nguồn gốc đất hiện nay bà T đang quản lý, sử dụng là của cụ X và cụ X1, sau khi cụ X chết thì cụ X1, bà T, ông S cùng quản lý và ở trên đất. Khoảng năm 1989 hoặc 1990 (tôi không nhớ rõ) thì ông S cùng mẹ mua đất và làm nhà khác để ở, cách đất tranh chấp khoảng 500m. Việc mẹ con anh em chuyển, tặng cho nhau đất như thế nào tôi không biết.

Khoảng năm 2005 anh N con bà T làm nhà, tôi và ông S cùng trong đội thợ xây cho nhà anh N, tôi không thấy ông S, bà T và anh N có tranh chấp gì về đất đai.

* Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn N xuất trình Giấy đề nghị vay vốn của anh đối với Quỹ tín dụng nhân dân xã Quảng Ninh và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

* Ngày 17/6/2024 Quỹ tín dụng nhân dân xã Quảng Ninh có ý kiến liên quan đến tài sản thế chấp như sau: GCNQSDĐ số CI 573272 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 27/6/2027 cho anh Lê Văn N, tại thửa 43, tờ bản đồ số 8 diện tích 883m^2, địa chỉ: xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, không còn thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Quảng Ninh. Việc ông Nguyễn Mạnh S yêu cầu huỷ GCNQSDĐ đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Việc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Diện tích đất đo hiện thực tế 894,3m^2; theo Chứng thư thẩm định giá số 2405310/CT-TPV ngày 13/5/2024 của Công ty cổ phần thẩm định giá và giám định Tiên Phong, Chi nhánh Thanh Hoá: 01m^2 đất ở giá trị 3.670.000 đồng.

Ngày 20/12/2021, anh Lê Văn N đã chuyển mục đích 660m^2 đất trồng cây lâu năm thành đất ở nông thôn, được đăng ký biến động tại trang 4 của

GCNQSDĐ anh Lê Văn N được cấp ngày 27/6/2017.

Tài sản trên đất: Nhà mái bằng, mái tôn, công trình phụ mái tôn, sân vườn tổng giá trị 477.832.000 đồng.

Cây cối trên đất trị giá: 3.923.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2024/DS-ST ngày 20/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Căn cứ Điều 34, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 612 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn nộp án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh S, cụ thể:

- Huỷ GCNQSDD số CI 573272 vào sổ cấp GCN số CH-01076 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 27/6/2017 mang tên Lê Văn N đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8 Bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 2014 diện tích 883m^2, địa chỉ: thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8 Bản đồ địa chính xã Quảng Ninh 2014, diện tích 883m^2, địa chỉ: thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ X và cụ X1 để lại, căn cứ xác nhận của UBND xã Quảng Ninh trên cơ sở có đơn của ông S về việc xác nhận nguồn gốc đất, thông qua việc lấy ý kiến khu dân cư, trong đơn xác nhận UBND xã Quảng Ninh xác định đất là do cụ X và cụ X1 để lại. Cụ X và cụ X1 đều ở trên đất, cụ X chết tại thửa đất, đến năm 1990 cụ X1 được ông S đón về nhà ông S ở. Bà T tự ý kê khai quyền sử dụng đất, không có xác nhận nào thể hiện cụ X1 cho bà T quyền sử dụng đất nêu trên, nếu có việc cụ X1 cho đất bà T thì cụ X1 cũng không có quyền cho toàn bộ thửa đất đó vì ½ quyền sử dụng đất là di sản của cụ X để lại. Đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế di sản của cụ X1 để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là ông S, bà T, bà T1, ông Ch. Ông S có nguyện vọng được nhận thừa kế bằng hiện vật, đề nghị hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà T, sau này cấp cho anh N. Ông S biết việc anh N xây nhà trên đất vì ông S biết bà T gặp trục trặc gia đình nên việc bà T sửa sang nhà cửa để ở năm 2005 trong lúc anh em còn hòa thuận. Do vậy, đề

nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Bùi Thị H1 đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn N nhất trí với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định pháp luật;

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế, hủy các quyết định cấp GCNQSDĐ, hủy GCNQSDĐ là có căn cứ, đúng pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp cho bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Yêu cầu chia di sản thừa kế, hủy GCNQSDĐ" là đúng quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh S yêu cầu huỷ quyết định cấp GCNQSDĐ và huỷ GCNQSDĐ cấp cho anh Lê Văn N, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông S không cung cấp được quyết định cấp GCNQSDĐ, Toà án cũng không thu thập được tài liệu này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét được yêu cầu huỷ quyết định cấp GCNQSDĐ cho anh Lê Văn N tại thửa đất 43 là đúng pháp luật.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh S trong hạn luật định, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt, tuy nhiên đã có mặt đại diện theo ủy quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Quảng Ninh đã có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn

Mạnh Ch, bà Nguyễn Thị T1 và UBND huyện Quảng Xương vắng mặt không có lý do; xét thấy việc vắng mặt nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh S, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08:

* Về Hồ sơ quản lý đất qua các kỳ tại địa phương:

Bản đồ 299 năm 1985 là thửa 100, diện tích 860m^2, đất T, nhưng không xác định được chủ sử dụng đất. Tại Báo cáo số 87/BC-UBND ngày 03/12/2021 về việc hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã Quảng Ninh không có sổ mục kê theo Bản đồ 299 của UBND xã Quảng Ninh (UBND xã báo cáo về hiện trạng hồ sơ lưu tại UBND xã cho UBND huyện) có nội dung: Hiện nay tại xã Quảng Ninh chỉ sử dụng Hồ sơ địa chính 1992 để giải quyết các vấn đề liên quan đến đất đai cho các hộ dân.

Bản đồ địa chính năm 1992: Thửa đất số 233, tờ bản đồ số 2, diện tích 850m^2, Sổ đăng ký ruộng đất xã Quảng Ninh ghi chủ sử dụng Nguyễn Thị T, loại đất T.

Tại Sổ giao đất lâu dài năm 1993, hộ bà Nguyễn Thị T được giao tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 02 gồm 200m^2 đất ở và 700m^2 đất vườn cùng với một số thửa đất nông nghiệp khác.

Ngày 10/8/1993 bà Nguyễn Thị T được UBND huyện Quảng Xương cấp GCNQSDĐ số D 0880652 đối với thửa đất 233, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 1992, diện tích 883m^2.

Bản đồ năm 2002 là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 02, diện tích 850m^2, sổ mục kê ghi chủ sử dụng Nguyễn Thị T, loại đất T.

Bản đồ năm 2014 là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08, diện tích 883,2m^2, sổ mục kê ghi chủ sử dụng là hộ bà Nguyễn Thị T, loại đất ONT.

Ngày 05/4/2017 bà T và các con là Lê Văn N, Lê Thị Thanh lập Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn Dốc (chồng bà T, chết năm 1997), theo đó bà T được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với diện tích đất tại thửa đất 233, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 1992, diện tích 883m^2 (là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08, diện tích 883,2m^2 theo bản đồ 2014), văn bản được UBND xã Quảng Ninh chứng thực ngày 05/4/2017.

Cùng ngày 05/4/2017, bà Toàn lập Hợp đồng tặng cho anh Lê Văn N toàn bộ diện tích đất bà T được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất 233, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 1992.

Ngày 27/6/2017 anh Lê Văn N được UBND huyện Quảng Xương cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08, diện tích 883m^2, gồm 200m^2 đất ở và 683m^2 đất trồng cây lâu năm. Ngày 20/12/2021 anh Lê Văn N đã chuyển mục đích 660m^2 đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn.

* Về nguồn gốc thửa đất:

Các đương sự trong vụ án và người làm chứng đều xác định thửa đất tranh chấp có nguồn gốc do cụ X và cụ X1 tạo lập, sinh sống cùng các con trước khi chết. Bà T lập gia đình và ở trên thửa đất từ trước khi cụ X, cụ X1 chết và cho rằng năm 1989, sau khi cụ X chết, ông S mua thửa đất khác ở xã Quảng Ninh để làm nhà ở, bà T đã mua lại diện tích đất tranh chấp nên cụ X1 ở cùng với ông S đến lúc chết và không có tranh chấp gì về đất đai với bà T. Ông S cũng trình bày khi ông lập gia đình, mua mảnh đất khác xây nhà, đưa mẹ là cụ X1 đến ở cùng, đồng thời đưa bát hương đến nhà ông để thờ cúng tổ tiên, không thờ tại khu đất bà T sử dụng.

Những người làm chứng sống gần khu đất tranh chấp đều xác định nguồn gốc đất là của cụ X và cụ X1, bà T và ông S ở cùng trên đất với bố mẹ, sau khi cụ X chết (năm 1989), ông S mua nhà ở nơi khác và đưa cụ X1 đến ở cùng (cách khu đất tranh chấp khoảng 500m, cùng thôn với mảnh đất tranh chấp), mẹ con bà T ở lại khu đất cũ, khi mẹ con bà T xây dựng nhà cửa kiên cố trên đất để ở, anh chị em trong gia đình đều đến phụ giúp nhưng không có tranh chấp về đất đai.

Bà T được ghi nhận là chủ sử dụng thửa đất 233, tờ bản đồ số 02, hồ sơ địa chính năm 1992 xã Quảng Ninh và sổ giao ruộng đất của xã Quảng Ninh năm 1993. Đến năm 1994 bà Nguyễn Thị T được cấp GCNQSDĐ, thời điểm này cụ X1 đang sống với ông S ở gần thửa đất 233 nhưng cụ X1 không thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất (không có tài liệu nào thể hiện cụ X, cụ X1 đã đăng ký quyền sử dụng đất tại địa phương), không có khiếu nại, tranh chấp gì đối với thửa đất bà T sử dụng. Các đương sự và những người làm chứng đều khai ông S, cụ X1 rời khỏi thửa đất tranh chấp từ sau năm 1989 và chuyển toàn bộ đồ thờ cúng đến nhà ông S, trên thửa đất tranh chấp chỉ còn lại gia đình bà T, bà T đã xây dựng lại nhà kiên cố để ở, trong suốt thời gian từ khi ông S và cụ X1 chuyển đi khỏi thửa đất đến nơi ở mới cách khoảng 500m, cùng xã, sau này là cùng thôn thì giữa ông S, cụ X1 và bà T không có tranh chấp về đất đai.

* Đối với Công văn số 15/UBND ngày 27/6/2022 của UBND xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Mạnh S có nội dung: Ngày 30/6/2022 UBND xã Quảng Ninh đã phối hợp cùng cấp uỷ thôn Ước Thành tổ chức họp lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc sử dụng thửa đất số 233, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 1992, nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 2014... Hội nghị đã đi đến kết luận như sau: Nguồn gốc thửa đất số 233, tờ bản đồ số

02, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 1992, nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 2014 đứng tên bà Nguyễn Thị T là do ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị X1 để lại.

UBND xã Quảng Ninh ban hành Công văn số 15/UBND để trả lời ông Nguyễn Mạnh S về việc đề nghị xác nhận nguồn gốc thửa đất 233 đang tranh chấp, nội dung công văn chỉ trích lại Biên bản hội nghị tổ chức lấy ý kiến khu dân cư, kết luận nguồn gốc thửa đất 233 là của cụ X, cụ X1 (không có biên bản lấy ý kiến kèm theo). Do đó, Công văn số 15/UBND không phải là tài liệu có giá trị pháp lý làm căn cứ xác định thửa đất 233 là di sản của cụ X và cụ X1 để chia thừa kế, việc nguyên đơn căn cứ vào Công văn số 15/UBND để yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 233 là không có cơ sở.

Từ lời khai của các đương sự, của người làm chứng có thể xác định thửa đất 233 có nguồn gốc do cụ X và cụ X1 tạo lập nhưng các cụ không đăng ký quyền sử dụng đất, không để lại di chúc về thửa đất 233. Bà T (là con gái của hai cụ) sau khi có gia đình đã ở cùng bố mẹ từ trước năm 1980, xây dựng nhà ở ổn định, đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền, sau khi cụ X chết, cụ X1 và ông S chuyển đến khu đất khác để ở, trên thửa đất 233 còn lại gia đình bà T sử dụng, và được ghi nhận là chủ sử dụng đất tại địa phương từ Hồ sơ địa chính năm 1992 (do bản đồ 299 không có sổ mục kê nên không xác định được chủ sử dụng), được giao đất trong sổ giao ruộng đất lâu dài năm 1993 của xã Quảng Ninh, được cấp GCNQSDĐ năm 1994, thời điểm bà T xây dựng nhà ở kiến cố, kê khai quyền sử dụng thửa đất 233, cụ X1 và những người thừa kế khác của cụ X không có tranh chấp, khiếu nại về việc sử dụng đất, việc đăng ký quyền sử dụng thửa đất 233 của bà T. Sau khi cụ X1 chết bà T tiếp tục sử dụng đất, nộp thuế đất, không có ai tranh chấp.

Căn cứ quy định của Luật Đất đai, Bộ luật Dân sự, Án lệ số 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, cụ X, cụ X1 không kê khai quyền sử dụng thửa đất 233, trong khi bà T đã sử dụng đất từ khi cụ X, cụ X1 đang sống trên đất, sau khi cụ X chết, bà T tiếp tục sử dụng đất, xây nhà ở kiên cố, thực hiện nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất, được cấp GCNQSDĐ, cụ X1 và những người thừa kế của cụ X không cản trở, không tranh chấp, cũng không có ai sử dụng thửa đất này, hiện nay, ngoài ông S, những người thừa kế khác của cụ X, cụ X1 đều không tranh chấp đối với thửa đất 233, do đó không có căn cứ xác định thửa đất 233 là di sản của cụ X và cụ X1 để chia thừa kế. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế diện tích 883m^2 tại thửa đất 233, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 1992 là không có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CI 573272 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 27/6/2017 mang tên Lê Văn N tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 1992, địa chỉ: thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá: Như phân tích ở trên,

không có căn cứ để xác định diện tích đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là di sản của cụ X và cụ X1 nên yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn không được chấp nhận. Bà T sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, được ghi nhận là chủ sử dụng đất trong Bản đồ địa chính, Sổ giao đất tại địa phương, thực hiện kê khai quyền sử dụng đất và được UBND huyện Quảng Xương cấp GCNQSDĐ năm 1994. Năm 2017 bà T đã tặng cho toàn bộ thửa đất cho con trai là anh Lê Văn N, năm 2017 anh N đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 2014 (tương ứng thửa đất số 233, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 1992), năm 2021 anh N chuyển đổi mục đích sử dụng diện tích đất trồng cây lâu năm thành đất ở. Như vậy, việc UBND huyện Quảng Xương cấp GCNQSDĐ cho anh Lê Văn N là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Do vậy, Bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc hủy GCNQSDĐ số CI 573272 vào sổ cấp GCN số CH-01076 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 27/6/2017 mang tên Lê Văn N đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Quảng Ninh năm 2014, diện tích 833m^2, địa chỉ: thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông S kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông S.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh S kháng cáo không được chấp nhận, tuy nhiên ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Bác kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mạnh S.

[2] Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[3] Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Mạnh S.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;*
- *Lưu HSVA, P.HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học